

Số: 74/QĐ-MNHB

Điện Biên Phủ, ngày 18 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Chương trình giáo dục nhà trường

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HOA BAN

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 09/2026/VBHN-TT-BGDĐT ngày 23/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non;

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Căn cứ Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo;

Căn cứ Quyết định Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 26/8/2026 của UBND phường Điện Biên Phủ về việc thành lập trường mầm non Hoa Ban;

Căn cứ Biên bản kết quả rà soát, đối chiếu, đánh giá chương trình giáo dục nhà trường đang thực hiện tại 06 đơn vị trước khi sát nhập của Tổ rà soát Chương trình giáo dục nhà trường;

Xét đề nghị của các Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn và Tổ trưởng các tổ chuyên môn nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình giáo dục nhà trường

Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình giáo dục nhà trường (sau đây gọi là Chương trình) của Trường mầm non Hoa Ban, được xây dựng thống nhất trên cơ sở kết quả rà soát, đối chiếu, kế thừa và điều chỉnh phù hợp từ chương trình giáo dục nhà trường của 06 (sáu) trường mầm non trước khi sát nhập, bảo đảm không mâu thuẫn, không chồng chéo và phù hợp với Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Chương trình giáo dục nhà trường quy định tại Quyết định này là văn bản pháp lý thống nhất, được áp dụng chung, đồng bộ cho các nhóm, lớp thuộc Trường mầm non Hoa Ban; các chương trình giáo dục nhà trường đã ban hành trước đây

tại các đơn vị trước khi sát nhập hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Thời gian thực hiện: kể từ năm học 2026 - 2027 và được áp dụng ổn định, lâu dài cho đến khi có quyết định điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của Hiệu trưởng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Chương trình

Giao Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn chủ trì, phối hợp với Tổ trưởng các tổ chuyên môn có trách nhiệm:

- Hướng dẫn, tư vấn, kiểm tra giáo viên của các nhóm, lớp xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch giáo dục tháng/chủ đề, tuần, ngày trên cơ sở Chương trình đã ban hành, bảo đảm thống nhất về mục tiêu, nội dung, phương pháp giữa các Phân hiệu, điểm trường, nhóm, lớp;

- Việc phát triển, cụ thể hóa Chương trình phải phù hợp với nhu cầu, hứng thú và khả năng, cách học khác nhau của mỗi trẻ; bám sát điều kiện thực tiễn về đội ngũ, cơ sở vật chất của từng Phân hiệu, điểm trường, của nhà trường và của địa phương;

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ để theo dõi, đánh giá tiến độ, chất lượng thực hiện Chương trình; hằng năm, vào cuối mỗi năm học, chủ trì tổ chức rà soát, đánh giá mức độ phù hợp của Chương trình so với thực tiễn dạy học;

- Mọi đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung Chương trình phải được tổ chuyên môn xem xét, có văn bản báo cáo cụ thể và chỉ được thực hiện sau khi Hiệu trưởng phê duyệt bằng văn bản; không tự ý thay đổi nội dung Chương trình đã được ban hành.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, Tổ trưởng tổ văn phòng, giáo viên của các nhóm, lớp và các cá nhân, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

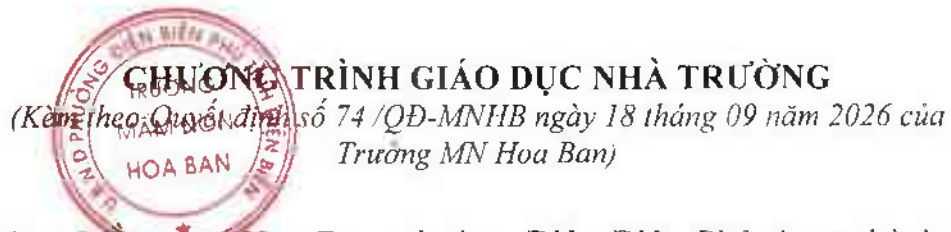
- Như điều 3;
- Phòng VH-XH (để b/c);
- BGH (để t/h);
- Các tổ CM, tổ VP (để t/h);
- GV các nhóm, lớp (để t/h);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Hải Yến

UBND PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MẦM NON HOA BAN



Trường Mầm non Hoa Ban, phường Điện Biên Phủ được thành lập theo Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 26/8/2026 của UBND phường Điện Biên Phủ, trên cơ sở sáp nhập các trường mầm non Him Lam, Hoa Mai, Sơn Ca, Hoa Ban, Thanh Minh và Họa Mi. Việc sáp nhập là chủ trương nhằm thống nhất đầu mối quản lý, sử dụng hiệu quả đội ngũ, cơ sở vật chất và các nguồn lực giáo dục; đồng thời tạo điều kiện để nhà trường kế thừa, phát huy những thành quả, truyền thống và kinh nghiệm đã được hình thành qua nhiều năm hoạt động của các đơn vị trước khi sáp nhập.

Sau sáp nhập, Trường Mầm non Hoa Ban trở thành một cơ sở giáo dục mầm non có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trên địa bàn phường. Năm học 2026–2027, nhà trường có 49 nhóm, lớp với tổng số 958 trẻ, trong đó có 15 nhóm nhà trẻ với 223 trẻ và 34 lớp mẫu giáo với 725 trẻ, gồm 07 lớp mẫu giáo ghép; riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi có 14 lớp với 272 trẻ. Quy mô này vừa khẳng định sự tin tưởng của cha mẹ trẻ đối với nhà trường, vừa đặt ra yêu cầu cao về năng lực quản trị, tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bảo đảm an toàn cho trẻ tại các điểm trường, phân hiệu.

Chất lượng đội ngũ, nền tảng quyết định chất lượng giáo dục: Nhà trường hiện có 135 cán bộ, giáo viên, nhân viên, gồm 07 cán bộ quản lý, 107 giáo viên và 21 nhân viên. Đội ngũ giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn 100%, là điều kiện quan trọng để nhà trường tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Chất lượng chuyên môn của đội ngũ được thể hiện qua tỷ lệ giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi các cấp đạt 89,5%. Đây là minh chứng cho năng lực chuyên môn, khả năng tổ chức hoạt động giáo dục và tinh thần không ngừng phấn đấu của đội ngũ giáo viên. Những kết quả đó tạo nền tảng vững chắc để nhà trường nâng cao chất lượng thực hiện chương trình, phát triển năng lực và phẩm chất của trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ: Với đặc thù là cấp học đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện của trẻ, nhà trường xác định chất lượng giáo dục không chỉ được thể hiện qua kết quả học tập mà còn qua chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ sức khỏe, bảo đảm an toàn và hình thành những năng lực, thói quen, kỹ năng ban đầu cho trẻ.

Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, nhu cầu và khả năng của từng độ tuổi; chú trọng tạo cơ hội

cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm, khám phá, giao tiếp và thể hiện bản thân trong môi trường an toàn, thân thiện. Giáo viên tích cực vận dụng các phương pháp giáo dục linh hoạt, tăng cường hoạt động thực hành, trải nghiệm, phát huy tính tích cực, chủ động và khả năng sáng tạo của trẻ.

Việc tổ chức 07 lớp mẫu giáo ghép đòi hỏi giáo viên phải có năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý lớp và khả năng xây dựng kế hoạch giáo dục linh hoạt, bảo đảm trẻ ở các độ tuổi khác nhau đều được quan tâm, chăm sóc và tham gia các hoạt động phù hợp. Đây cũng là một trong những yếu tố thể hiện tinh thần trách nhiệm, sự nỗ lực và khả năng thích ứng của đội ngũ trong điều kiện nhà trường có quy mô lớn, nhiều điểm trường và đối tượng trẻ đa dạng.

Đối với trẻ mẫu giáo 5 tuổi, nhà trường quan tâm tổ chức các hoạt động chuẩn bị cho trẻ sẵn sàng vào lớp Một; chú trọng phát triển các lĩnh vực thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ; hình thành cho trẻ những kỹ năng tự phục vụ, giao tiếp, hợp tác, tự tin và thói quen học tập cần thiết. Qua đó, nhà trường góp phần tạo sự liên thông, vững chắc giữa giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học.

Cơ sở vật chất, môi trường giáo dục được quan tâm đầu tư, Nhà trường có tổng số 49 phòng, trong đó 43 phòng kiên cố và 06 phòng bán kiên cố. Hệ thống cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại các điểm trường. Nhà trường có 10 sân chơi, được trang bị các loại đồ chơi ngoài trời theo danh mục quy định, tạo điều kiện để trẻ được vận động, vui chơi, khám phá và phát triển thể chất.

Sau khi sáp nhập, nhà trường chú trọng rà soát, sắp xếp và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; từng bước xây dựng cảnh quan, môi trường giáo dục tại các phân hiệu theo hướng xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện và phù hợp với trẻ mầm non. Môi trường giáo dục được xác định là “người giáo viên thứ hai”, có vai trò quan trọng trong việc hình thành cảm xúc tích cực, thói quen tốt và sự mạnh dạn, tự tin của trẻ.

Việc duy trì, cải tạo và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất sau sáp nhập không chỉ góp phần nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động giáo dục mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm của nhà trường trong việc bảo đảm điều kiện học tập, vui chơi và sinh hoạt an toàn, thuận lợi cho trẻ ở tất cả các phân hiệu.

Công tác quản lý và năng lực tổ chức nhà trường sau sáp nhập: Trước yêu cầu quản lý một trường mầm non có quy mô lớn, nhiều nhóm lớp, nhiều điểm trường và đội ngũ đông, nhà trường xác định công tác quản lý, điều hành có vai trò then chốt. Ban Giám hiệu chú trọng xây dựng bộ máy hoạt động thống nhất, phân công nhiệm vụ rõ ràng, phát huy vai trò, trách nhiệm của từng cán bộ, giáo viên, nhân viên; đồng thời quan tâm xây dựng sự đồng thuận, đoàn kết và tinh thần trách nhiệm trong toàn trường.

Nhà trường tổ chức và quản lý tốt các hoạt động hành chính, tài chính, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, công khai kế hoạch hoạt động, công khai tài chính và công khai chất lượng chuyên môn. Công tác kiểm tra nội bộ được thực hiện theo kế hoạch, hướng tới mục tiêu

hỗ trợ, tư vấn, điều chỉnh và nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ, không ngừng cải tiến phương pháp quản lý và lề lối làm việc.

Quá trình sát nhập cũng là cơ hội để nhà trường phát huy thế mạnh của các đơn vị trước đây, thống nhất những cách làm hiệu quả, chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, nâng cao tinh thần phối hợp giữa các tổ, bộ phận và phân hiệu. Đây là tiền đề quan trọng để xây dựng một tập thể thống nhất về nhận thức, đồng bộ trong hành động và cùng hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, các trường mầm non trước khi sát nhập các Phân hiệu đã nhiều năm được công nhận danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc, được UBND tỉnh Điện Biên, UBND thành phố Điện Biên Phủ, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên tặng bằng khen, giấy khen; được đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 và được công nhận, công nhận Trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Chi bộ các Phân hiệu nhiều năm liên tục được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ, có thời điểm đạt danh hiệu Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Những kết quả trên là minh chứng cho quá trình phấn đấu bền bỉ, sự ổn định về chất lượng, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ và sự quan tâm phối hợp của các cấp, các ngành, cha mẹ trẻ đối với sự nghiệp giáo dục của nhà trường.

Có thể khẳng định, Trường Mầm non Hoa Ban sau khi sát nhập có nhiều điều kiện thuận lợi để tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Đó là đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ, tâm huyết và năng lực chuyên môn; quy mô trường lớp đáp ứng nhu cầu học tập của trẻ; cơ sở vật chất tương đối đồng bộ, có nhiều sân chơi và thiết bị ngoài trời; công tác quản lý từng bước đi vào nền nếp, khoa học, công khai và hiệu quả; cùng với truyền thống thi đua, thành tích và uy tín đã được khẳng định qua nhiều năm.

Việc sát nhập các trường mầm non không chỉ tạo nên sự thay đổi về quy mô tổ chức mà còn mở ra cơ hội xây dựng một môi trường giáo dục thống nhất, chuyên nghiệp và chất lượng hơn. Trên nền tảng những thành quả đã đạt được, Trường Mầm non Hoa Ban tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, đổi mới và sáng tạo; huy động hiệu quả các nguồn lực; nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; xây dựng nhà trường trở thành địa chỉ giáo dục mầm non an toàn, thân thiện, trách nhiệm, chất lượng và được cha mẹ trẻ, nhân dân tin tưởng.

Trường Mầm non Hoa Ban bước vào năm học 2026-2027 với quy mô lớn hơn, mạng lưới trường lớp được mở rộng và đội ngũ, cơ sở vật chất được tập hợp từ các đơn vị trước khi sáp nhập. Nhà trường có những thuận lợi, khó khăn cần tập trung khắc phục để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Cụ thể như sau:

I. THUẬN LỢI

Trường Mầm non Hoa Ban được thành lập trên cơ sở sáp nhập các trường mầm non Him Lam, Hoa Mai, Sơn Ca, Hoa Ban, Thanh Minh và Họa Mi. Đây là điều kiện thuận lợi để nhà trường thống nhất công tác quản lý, phát huy thế

manh, truyền thống và kinh nghiệm của các đơn vị trước khi sáp nhập; đồng thời sử dụng hiệu quả đội ngũ, cơ sở vật chất và các nguồn lực giáo dục.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND phường Điện Biên Phủ, sự chỉ đạo trực tiếp của Phòng Văn hóa - Xã hội và sự phối hợp, ủng hộ của cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Sau sáp nhập, nhà trường có quy mô lớn với 49 nhóm, lớp và 958 trẻ, gồm 15 nhóm nhà trẻ, 34 lớp mẫu giáo, trong đó có 07 lớp mẫu giáo ghép và 14 lớp mẫu giáo 5 tuổi. Quy mô trường lớp cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trên địa bàn phường.

Đội ngũ nhà trường gồm 135 cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó có 07 cán bộ quản lý, 107 giáo viên và 21 nhân viên. Đội ngũ giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn 100%, có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tích cực tự học, tự bồi dưỡng và đổi mới phương pháp giáo dục.

Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đầy đủ, có 49 phòng học và phòng chức năng, gồm 43 phòng kiên cố, 06 phòng bán kiên cố; có 10 sân chơi được trang bị đồ chơi ngoài trời. Nhà trường quan tâm xây dựng môi trường giáo dục xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện, tạo điều kiện để trẻ được vui chơi, trải nghiệm, khám phá và phát triển toàn diện.

Các đơn vị trước khi sáp nhập đã có nhiều năm đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc, được các cấp khen thưởng; có trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3. Đây là nền tảng quan trọng để Trường Mầm non Hoa Ban tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

II. KHÓ KHĂN

Nhà trường có quy mô lớn, địa bàn hoạt động rộng, nhiều nhóm lớp, phân hiệu và điểm trường nên công tác quản lý, chỉ đạo chuyên môn, tổ chức bán trú, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an toàn cho trẻ đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa Ban Giám hiệu, các tổ chuyên môn và các điểm trường.

Một số phụ huynh tại phân hiệu Thanh Minh, Hòa Mi có điều kiện kinh tế còn khó khăn, việc đóng góp và hỗ trợ các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ còn hạn chế. Một bộ phận phụ huynh bận công việc hoặc đi làm ăn xa nên việc phối hợp với nhà trường trong chăm sóc, giáo dục trẻ chưa thường xuyên.

Nhà trường có 07 lớp mẫu giáo ghép, đòi hỏi giáo viên phải có năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý lớp và khả năng xây dựng kế hoạch giáo dục linh hoạt, phù hợp với trẻ ở nhiều độ tuổi khác nhau.

Sau sáp nhập, một số cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tại các điểm trường cần tiếp tục được rà soát, bổ sung, sửa chữa và khai thác hiệu quả. Một số cán bộ, giáo viên, nhân viên còn hạn chế ở một số mặt về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin và tổ chức các hoạt động giáo dục đổi mới, cần được bồi dưỡng thường xuyên

III. KẾT QUẢ CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ, NĂM HỌC 2025-2026

1. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng

Trong năm học 2025-2026, nhà trường thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và tổ chức bán trú. Có 1123/1123 trẻ được ăn, ngủ tại trường, đạt 100%; 51/51 nhóm, lớp học 2 buổi/ngày có tổ chức ăn bán trú và 100% thực phẩm được chế biến tại trường. Nhà trường thực hiện nghiêm túc thực đơn, bảo đảm chế độ ăn, ngủ hợp lý, khoa học; chú trọng vệ sinh môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm. Trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng, khám sức khỏe định kỳ và phối hợp với phụ huynh để có biện pháp chăm sóc phù hợp. 100% trẻ được bảo đảm an toàn, không xảy ra tai nạn thương tích nghiêm trọng hoặc ngộ độc thực phẩm tại trường.

Kết quả cuối năm: Trẻ có cân nặng bình thường đạt 97,8%; Trẻ có chiều cao bình thường đạt 98,8%. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân chiếm 2,2%; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi chiếm 1.2%

2. Chất lượng giáo dục

Nhà trường thực hiện đầy đủ Chương trình giáo dục mầm non, chú trọng giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm, khám phá, giao tiếp và phát triển năng lực cá nhân.

Kết quả cuối năm: Bé khỏe, bé ngoan đạt tỷ lệ 82,3%; Bé chăm đạt tỷ lệ 96,3%; Bé ngoan đạt tỷ lệ 100%; Bé sạch đạt tỷ lệ 100%. Trẻ được đánh giá: 1123/1123 trẻ, đạt 100%. Trẻ nhà trẻ đạt yêu cầu phát triển cuối độ tuổi đạt 97.8 %; Trẻ mẫu giáo đạt yêu cầu phát triển cuối độ tuổi đạt 100%.

Trẻ cơ bản mạnh dạn, tự tin, ngoan, lễ phép, có kỹ năng giao tiếp và biết thực hiện một số kỹ năng tự phục vụ phù hợp với độ tuổi. 100% nhóm, lớp thực hiện chương trình giáo dục mầm non, chú trọng phát triển toàn diện các lĩnh vực thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ; đồng thời tăng cường làm quen chữ cái, hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi.

Những kết quả trên là cơ sở để Trường Mầm non Hoa Ban sau sáp nhập tiếp tục kế thừa, phát huy và nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trong năm học 2026-2027.

IV. TẦM NHÌN

Trường Mầm non Hoa Ban phấn đấu trở thành trường mầm non **hạnh phúc, an toàn, thân thiện, hiện đại, chất lượng**, lấy trẻ em làm trung tâm, tôn trọng sự khác biệt và bảo đảm quyền được yêu thương, chăm sóc, giáo dục, vui chơi và phát triển của mỗi trẻ.

Nhà trường xây dựng môi trường giáo dục xanh – sạch – đẹp – an toàn – giàu trải nghiệm, giúp trẻ phát triển hài hòa về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ; Khuyến khích trẻ khám phá, sáng tạo, giao tiếp tiếp, hợp lý, hình thành nền tảng vững chắc cho các cấp học tiếp theo.

Trên nền tảng truyền thông của các đơn vị trước khi sáp nhập, nhà trường hướng tới trở thành **địa chỉ giáo dục mầm non uy tín**, được cha mẹ trẻ và nhân dân tin tưởng; chú ý ứng dụng công nghệ số phù hợp, giáo dục STEAM, tăng

cường tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số, làm quen với tiếng Anh, giáo dục kỹ năng sống, bảo vệ môi trường và bản sắc văn hóa địa phương.

V. SỨ MỆNH

Sứ mệnh chung: Tạo dựng môi trường giáo dục an toàn, yêu thương, tôn trọng và hạnh phúc; chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm; khơi dậy tiềm năng, phát triển sản phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống và khả năng sáng tạo của mỗi trẻ; chuẩn bị nền tảng vững chắc để trẻ tự động bước vào lớp Một và học tập suốt đời.

Nhà trường cam kết:

- Bảo đảm an toàn chất và tinh thần cho trẻ trong mọi hoạt động.
- Tôn trọng sự khác biệt, nhu cầu và tốc độ phát triển của từng trẻ.
- Kết hợp hài hòa chăm sóc – nuôi dưỡng – giáo dục; tạo cơ hội "chơi mà học, học bằng chơi".
- Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số; giáo dục kỹ năng giao tiếp, tự phục vụ, hòa nhập.
- Từng bước ứng dụng công nghệ số, giáo dục STEAM phù hợp điều kiện thực tế.
- Phối hợp chặt chẽ với gia đình và cộng đồng.
- Xây dựng đội ngũ có đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và tinh thần học tập suốt đời.

1. Sứ mệnh của trẻ “Vui khỏe, tự tin khám phá, yêu thương và cùng nhau trưởng thành.”

Trẻ em Trường Mầm non Hoa Ban được khuyến khích: Mạnh dạn khám phá, vui vẻ học tập, tự tin thể hiện bản thân, biết yêu thương, tôn trọng, hợp tác và có trách nhiệm với bản thân, bạn bè, gia đình, nhà trường và môi trường xung quanh, với sứ mệnh:

- Yêu thương, lễ phép, trung thực, thân thiện.
- Format mạnh mẽ, tự động trong giao tiếp và hoạt động.
- Thói quen tự phục vụ, giữ vệ sinh, bảo vệ sức khỏe.
- Biết lắng nghe, chia sẻ, hợp tác, chờ đến lượt.
- Tôn trọng bản thân, người khác và sự khác biệt.
- Ý thức giữ đồ chơi, cảnh quan, môi trường.
- Hứng thú học tập, thích khám phá, trải nghiệm, sáng tạo.
- Bước đầu nhận diện và điều chỉnh cảm xúc phù hợp.

2. Sứ mệnh của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

"Tận tâm với trẻ, trách nhiệm với nghề, đoàn kết để đổi mới, cùng nhau phát triển."

Mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên phấn đấu:

- Tận tâm trong chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

- Tôn trọng trẻ, đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và sự khác biệt của mỗi cá nhân.
- Trách nhiệm với công việc, với trẻ, với tập thể và với cộng đồng.
- Gương mẫu trong đạo đức, tác phong, lời nói và hành vi ứng xử.
- Chủ động trong thực hiện nhiệm vụ, quản lý lớp và phối hợp công tác.
- Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động và cách thức quản lý.
- Sáng tạo trong xây dựng môi trường giáo dục và tổ chức các hoạt động trải nghiệm.
- Hợp tác trong tập thể, giữa các phân hiệu, điểm trường và các bộ phận.
- Tự học, tự bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số.

- Lan tỏa yêu thương, xây dựng niềm tin với trẻ, cha mẹ trẻ và nhân dân.

VI. GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Trường Mầm non Hoa Ban xác định các giá trị cốt lõi làm nền tảng cho mọi hoạt động của nhà trường như sau:

- **Yêu thương:** Mọi trẻ em được đón nhận bằng tình yêu thương, sự quan tâm và thái độ tích cực. Mỗi thành viên trong nhà trường biết chia sẻ, đồng cảm, hỗ trợ và lan tỏa những hành động nhân văn.
- **An toàn:** Bảo đảm an toàn về thể chất, tinh thần, sức khỏe và quyền lợi của trẻ. Mọi hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và quản lý đều hướng tới xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh và đáng tin cậy.
- **Tôn trọng:** Tôn trọng trẻ em, tôn trọng sự khác biệt, tôn trọng đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng. Lắng nghe trẻ, khuyến khích trẻ bày tỏ ý kiến và thể hiện bản thân phù hợp với lứa tuổi.
- **Trách nhiệm:** Mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên có trách nhiệm với công việc, với trẻ, với tập thể và với kết quả giáo dục. Trẻ từng bước hình thành ý thức trách nhiệm với bản thân, bạn bè, gia đình và môi trường.
- **Tự tin và tự lập:** Khuyến khích trẻ mạnh dạn giao tiếp, chủ động tham gia hoạt động, tự lựa chọn và thực hiện những việc phù hợp với khả năng. Đội ngũ chủ động, bản lĩnh, tự tin trong thực hiện nhiệm vụ.
- **Hợp tác và chia sẻ:** Xây dựng tinh thần đoàn kết, phối hợp và hỗ trợ giữa cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng; giúp trẻ biết làm việc cùng nhau, chia sẻ và cùng giải quyết những nhiệm vụ đơn giản.
- **Đổi mới và sáng tạo:** Không ngừng đổi mới tư duy, phương pháp và cách thức tổ chức hoạt động; khuyến khích trẻ đặt câu hỏi, khám phá, thử nghiệm và tạo ra sản phẩm theo khả năng.
- **Hội nhập và phát triển bền vững:** Giúp trẻ bước đầu hình thành năng lực thích ứng, giao tiếp, sử dụng công nghệ phù hợp, làm quen tiếng Anh, hiểu biết về môi trường và biết trân trọng bản sắc văn hóa địa phương.

2. Giá trị văn hóa của nhà trường

Văn hóa Trường Mầm non Hoa Ban được xây dựng trên nền tảng:

- Đoàn kết, dân chủ và kỷ cương trong tổ chức, quản lý và thực hiện nhiệm vụ.
- Nhân ái, yêu thương và tôn trọng trong mọi mối quan hệ.
- Trung thực, trách nhiệm và gương mẫu trong công việc và giao tiếp.
- Chuyên nghiệp, tận tâm và hiệu quả trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.
- Chủ động, sáng tạo và không ngừng đổi mới để thích ứng với yêu cầu của thời đại.
- Chia sẻ, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa các phân hiệu, điểm trường, tổ chuyên môn và các bộ phận.
- Giữ gìn, kế thừa và phát huy truyền thống của các đơn vị trước khi sáp nhập.
- Tự hào về nhà trường, quê hương và bản sắc văn hóa các dân tộc.
- Ứng xử văn minh, giao tiếp tích cực và xây dựng niềm tin với cha mẹ trẻ, nhân dân và cộng đồng.
- Học tập suốt đời và phát triển bền vững, hướng tới nâng cao chất lượng giáo dục và hạnh phúc của trẻ.
- Nhà trường phấn đấu để mỗi ngày đến trường là một ngày an toàn, vui vẻ, yêu thương và có ý nghĩa đối với trẻ; mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên đều cảm thấy được tôn trọng, có cơ hội phát triển và tự hào khi làm việc tại Trường Mầm non Hoa Ban.

VII. PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG

- Phương châm chung ***“Yêu thương để an toàn, tôn trọng để phát triển, đổi mới để nâng cao chất lượng.”***
- Phương châm thực hiện: ***“Lấy trẻ làm trung tâm, lấy an toàn và hạnh phúc của trẻ làm mục tiêu; lấy sự tận tâm, trách nhiệm và đổi mới của đội ngũ làm động lực; lấy sự tiến bộ của mỗi trẻ và niềm tin của cha mẹ trẻ làm thước đo chất lượng”***.
- Thông điệp hành động: ***“Mỗi ngày một việc tốt, mỗi hoạt động một đổi mới, mỗi trẻ một tiến bộ.”***

Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ là trách nhiệm, uy tín, danh dự và thương hiệu của Trường Mầm non Hoa Ban.

Trên cơ sở kế thừa những thành quả, truyền thống tốt đẹp của các đơn vị trước khi sáp nhập, đồng thời xuất phát từ yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non và định hướng phát triển của nhà trường trong giai đoạn mới. Chương trình giáo dục nhà trường là công cụ quản lý chuyên môn quan trọng, thể hiện tầm nhìn, định hướng và cam kết chất lượng của Trường Mầm non Hoa Ban trong năm học 2026-2027. Trên cơ sở Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, căn cứ điều kiện thực tế của nhà trường sau sáp nhập và nhu cầu phát triển của trẻ trên địa bàn, Trường Mầm non Hoa Ban xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường với những nội dung cụ thể như sau:

PHẦN MỘT: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

A. MỤC TIÊU CỦA GIÁO DỤC MẦM NON

I. Mục tiêu chung

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

II. Mục tiêu riêng của nhà trường

- Đối với trẻ nhà trẻ: Xây dựng mối quan hệ gắn bó, tin cậy giữa trẻ với cô giáo, giúp trẻ có cảm giác an toàn, dễ dàng thích nghi khi mới đến lớp, hạn chế tối đa tình trạng lo âu, quấy khóc khi xa gia đình.

- Cho trẻ mẫu giáo (3- 5 tuổi) tiếp xúc với tiếng Anh theo cách phù hợp độ tuổi, khơi gợi hứng thú và tạo tiền đề thuận lợi cho việc học tiếng Anh ở tiểu học.

- Với trẻ dân tộc thiểu số, ưu tiên phát triển kỹ năng nghe – nói tiếng Việt, giúp trẻ dùng từ ngữ, câu đúng trong giao tiếp hằng ngày, đồng thời tự tin, mạnh dạn giao tiếp và có nền tảng cho việc học đọc, học viết sau này.

- Giúp trẻ nhận biết phong tục, tập quán, văn hóa truyền thống của địa phương, từ đó nuôi dưỡng tình yêu quê hương và ý thức gìn giữ bản sắc dân tộc.

- Tạo điều kiện để trẻ tiếp cận công nghệ số một cách an toàn, phù hợp thông qua các hoạt động học tập, vui chơi và trải nghiệm.

- Áp dụng dần phương pháp STEM/STEAM vào một số hoạt động thích hợp nhằm rèn khả năng tư duy, quan sát, giải quyết vấn đề, tính chủ động, sáng tạo và trải nghiệm của trẻ.

- Xây dựng môi trường trường học/lớp học hạnh phúc – nơi trẻ được yêu thương, tôn trọng, lắng nghe và bảo đảm an toàn cả về thể chất lẫn tinh thần, để mỗi ngày đến trường thực sự là một ngày vui.

- Giúp trẻ mẫu giáo bước đầu hiểu một số quyền cơ bản của trẻ em, biết tôn trọng bản thân và người khác, hình thành tinh thần chia sẻ, hợp tác và cách ứng xử phù hợp.

- Rèn luyện cho trẻ những hành vi, thói quen và quy tắc ứng xử xã hội phù hợp với độ tuổi, hình thành nền nếp, sự lễ phép, tự tin, tinh thần trách nhiệm và các kỹ năng sống cần thiết.

- Triển khai chương trình giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, bảo đảm phát triển đồng đều các mặt: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

B. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Chương trình giáo dục nhà trường được xây dựng trên cơ sở Chương trình giáo dục mầm non khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, cụ thể hóa mục

tiêu, nội dung, phương pháp và cách đánh giá sự phát triển của trẻ, làm căn cứ để nhà trường quản lý, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ một cách thống nhất, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

Chương trình được xây dựng dựa trên quan điểm của Đảng và Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đồng thời kế thừa những ưu điểm của các chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ đã triển khai tại nhà trường trong những năm học trước. Chương trình bảo đảm tính phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đặc điểm các nhóm, lớp, phân hiệu, điểm trường sau sáp nhập, đáp ứng sự đa dạng về đặc điểm, nhu cầu, khả năng của từng nhóm trẻ, hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện và tạo cơ hội để mỗi trẻ được phát huy tiềm năng của bản thân.

Việc xây dựng và triển khai chương trình bảo đảm tính liên thông, kết nối chặt chẽ giữa các độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo trong toàn trường, đồng thời tạo nền tảng để trẻ sẵn sàng chuyển tiếp lên bậc tiểu học, phù hợp với định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông.

Chương trình giáo dục nhà trường được thực hiện theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm, coi trọng trải nghiệm và sự tham gia tích cực của trẻ, nhất quán với phương châm "Chơi mà học, học bằng chơi", tạo điều kiện để trẻ học tập tự nhiên thông qua các hoạt động vui chơi, khám phá, giao tiếp và trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Bên cạnh những nội dung giáo dục áp dụng chung cho mọi trẻ mầm non theo chương trình khung, nhà trường trao quyền chủ động cho tổ chuyên môn và giáo viên trong việc lựa chọn, bổ sung nội dung và tổ chức kế hoạch giáo dục linh hoạt, phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ, điều kiện thực tế của từng nhóm lớp, phân hiệu, điểm trường và bối cảnh chung của nhà trường, nhằm bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tính khả thi khi triển khai chương trình giáo dục nhà trường.

C. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

I. Yêu cầu về nội dung giáo dục mầm non

Nội dung giáo dục của Trường Mầm non Hoa Ban được xây dựng trên cơ sở Chương trình giáo dục mầm non hiện hành, phù hợp với mục tiêu phát triển trẻ, điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và đặc điểm của các nhóm, lớp, phân hiệu, điểm trường sau sáp nhập. Nội dung giáo dục bảo đảm các yêu cầu sau:

1. Bảo đảm tính khoa học, phù hợp và liên thông

- Nội dung giáo dục bảo đảm tính khoa học, tính chính xác, tính vừa sức, phù hợp với đặc điểm tâm lý, sinh lý, khả năng nhận thức và nhu cầu phát triển của trẻ ở từng độ tuổi.

- Thực hiện nguyên tắc đồng tâm phát triển, đi từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ gần gũi đến mở rộng; bảo đảm sự phát triển liên tục, kế thừa

giữa các độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo và tạo nền tảng cho trẻ chuyển tiếp lên cấp tiểu học.

- Bảo đảm sự cân đối, hài hòa giữa các lĩnh vực phát triển: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

- Kết hợp chặt chẽ giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, giúp trẻ phát triển khỏe mạnh, cân đối, nhanh nhẹn, hình thành nền nếp, thói quen tốt và các kỹ năng cần thiết phù hợp với lứa tuổi.

2. Gắn nội dung giáo dục với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ

- Nội dung giáo dục gần gũi, thiết thực, gắn với cuộc sống hằng ngày, kinh nghiệm, vốn hiểu biết, nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ.

- Tạo cơ hội để trẻ được chơi, trải nghiệm, thực hành, khám phá, giao tiếp và giải quyết những tình huống đơn giản trong cuộc sống.

- Giúp trẻ từng bước hình thành khả năng thích ứng, kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng giao tiếp, hợp tác, chia sẻ, tự bảo vệ và hòa nhập với gia đình, nhà trường và cộng đồng.

- Chú trọng giáo dục trẻ biết kính trọng, yêu thương, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy cô giáo; biết yêu quý anh chị em, bạn bè; hình thành tính trung thực, mạnh dạn, tự tin, hồn nhiên, ham hiểu biết và yêu thích đến trường.

3. Phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và nhà trường

- Nội dung giáo dục được lựa chọn phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường tự nhiên và đặc điểm dân cư trên địa bàn.

- Tăng cường khai thác các nguyên vật liệu sẵn có, cảnh quan thiên nhiên, di tích, nghề truyền thống, phong tục tập quán, lễ hội, làn điệu dân ca, trò chơi dân gian và những nét văn hóa đặc trưng của địa phương.

- Quan tâm đến sự đa dạng về hoàn cảnh gia đình, dân tộc, ngôn ngữ, khả năng và mức độ phát triển của trẻ tại các cơ sở, phân hiệu và điểm trường; bảo đảm mọi trẻ đều được tham gia, được hỗ trợ và có cơ hội tiến bộ.

4. Lồng ghép các nội dung giáo dục thiết thực

Các nội dung giáo dục được lồng ghép linh hoạt, phù hợp trong các chủ đề và hoạt động giáo dục, bao gồm:

- Giáo dục quyền trẻ em, giúp trẻ bước đầu nhận biết quyền được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ, vui chơi, học tập; biết tôn trọng quyền và sự khác biệt của người khác.

- Giáo dục giới và bình đẳng giới, giúp trẻ biết tôn trọng bản thân, tôn trọng bạn bè, không phân biệt giới tính và được tham gia bình đẳng vào các hoạt động.

- Giáo dục an toàn giao thông, kỹ năng tham gia giao thông phù hợp với lứa tuổi và kỹ năng phòng tránh các nguy cơ mất an toàn.

- Giáo dục kỹ năng phòng, tránh thiên tai, phòng chống cháy nổ, đuối nước, rét đậm, rét hại và các tình huống nguy hiểm; bước đầu hình thành kỹ năng ứng phó phù hợp với biến đổi khí hậu.

- Giáo dục bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm nước, điện, giữ gìn vệ sinh trường lớp, phân loại và xử lý rác phù hợp, chăm sóc cây xanh, yêu quý và bảo vệ các loài vật.

- Giáo dục trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thông qua những việc làm, hành vi và thói quen phù hợp với độ tuổi như yêu thương, đoàn kết, thật thà, tiết kiệm, chăm chỉ và biết giúp đỡ mọi người.

- Giáo dục bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, giúp trẻ biết trân trọng tiếng nói, trang phục, âm nhạc, trò chơi, phong tục, tập quán và những giá trị văn hóa tốt đẹp của cộng đồng.

- Xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích, giáo dục kỹ năng tự bảo vệ, giữ gìn sức khỏe, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và phòng, chống một số bệnh, dịch thường gặp trong cơ sở giáo dục mầm non.

5. Tăng cường hoạt động phát triển năng lực, năng khiếu và sự sáng tạo

- Tạo điều kiện cho trẻ mẫu giáo phát triển năng khiếu, sở thích và khả năng cá nhân trong các lĩnh vực âm nhạc, nghệ thuật, vận động, ngôn ngữ, ngoại ngữ và công nghệ số.

- Tổ chức cho trẻ mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh thông qua bài hát, trò chơi, câu chuyện, hình ảnh và các tình huống giao tiếp đơn giản, phù hợp với độ tuổi.

- Từng bước cho trẻ tiếp cận công nghệ số một cách an toàn, có kiểm soát, đúng mục đích; sử dụng học liệu, thiết bị và phương tiện số phù hợp để hỗ trợ hoạt động khám phá, phát triển ngôn ngữ, âm nhạc, tạo hình và làm quen với toán.

- Lồng ghép, vận dụng phù hợp các yếu tố của phương pháp STEM/STEAM trong một số hoạt động giáo dục ở nhóm nhà trẻ và lớp mẫu giáo, giúp trẻ phát triển khả năng quan sát, đặt câu hỏi, suy nghĩ, thử nghiệm, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Khuyến khích trẻ mạnh dạn nêu ý tưởng, lựa chọn cách thực hiện, tạo sản phẩm và trình bày kết quả theo khả năng của mình; coi trọng quá trình trải nghiệm và sự tiến bộ của trẻ hơn việc tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh.

6. Phát triển ngôn ngữ và tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số

Đối với trẻ em dân tộc thiểu số, nhà trường chú trọng:

- Tạo môi trường giao tiếp tiếng Việt thường xuyên, tự nhiên, thân thiện và phù hợp trong mọi hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi và giáo dục.

- Giúp trẻ nghe hiểu, phát âm rõ ràng, sử dụng đúng từ ngữ và câu tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày; mạnh dạn trao đổi với cô giáo, bạn bè và người thân.

- Mở rộng vốn từ, rèn kỹ năng nghe, nói, kể chuyện, diễn đạt ý tưởng, bày tỏ nhu cầu, cảm xúc và suy nghĩ phù hợp với độ tuổi.

- Tăng cường các hoạt động đọc thơ, kể chuyện, làm quen với sách, tranh ảnh, chữ cái và môi trường chữ viết; hình thành cho trẻ một số kỹ năng tiền đọc, tiền viết cần thiết trước khi vào lớp Một.

- Kết hợp phát triển tiếng Việt với việc tôn trọng tiếng mẹ đẻ, bản sắc văn hóa và đặc điểm riêng của trẻ dân tộc, không tạo áp lực, không làm mất đi sự tự tin và niềm tự hào về dân tộc của trẻ.

- Phối hợp với cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc tạo môi trường giao tiếp tiếng Việt, thống nhất cách hỗ trợ trẻ và nâng cao hiệu quả phát triển ngôn ngữ.

7. Bảo đảm tính linh hoạt và quyền chủ động của giáo viên

- Giáo viên căn cứ vào mục tiêu chương trình, điều kiện thực tế của lớp, đặc điểm trẻ và tình hình địa phương để lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động phù hợp.

- Nội dung giáo dục có thể được điều chỉnh, bổ sung linh hoạt theo nhu cầu, hứng thú, khả năng và mức độ phát triển của trẻ; bảo đảm không dạy trước chương trình tiểu học, không gây quá tải cho trẻ.

- Khuyến khích giáo viên đổi mới phương pháp, tăng cường hoạt động trải nghiệm, ứng dụng công nghệ phù hợp, xây dựng môi trường giáo dục mở và thực hiện hiệu quả quan điểm “lấy trẻ làm trung tâm”.

- Việc lựa chọn và tổ chức nội dung giáo dục phải bảo đảm thiết thực, khả thi, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của từng cơ sở, phân hiệu, điểm trường và hướng tới sự tiến bộ của mỗi trẻ.

II. Yêu cầu về phương pháp giáo dục mầm non

- **Đối với giáo dục nhà trẻ:** Tăng cường giao tiếp, yêu thương, gắn bó; chú ý đặc điểm cá nhân để lựa chọn cách chăm sóc, giáo dục phù hợp; tạo an toàn thể chất và tinh thần; cho trẻ hoạt động với đồ vật, vui chơi, giao lưu cảm xúc, phát triển giác quan; xây dựng môi trường gần gũi như gia đình.

- **Đối với giáo dục mẫu giáo:** Tổ chức cho trẻ trải nghiệm, khám phá đa dạng theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”; xây dựng môi trường mở để trẻ thử nghiệm, sáng tạo; kết hợp giáo dục nhóm và cá nhân; linh hoạt hình thức cá nhân, nhóm nhỏ, cả lớp theo độ tuổi và điều kiện thực tế.

- **Làm quen tiếng Anh:** Ưu tiên phương pháp giao tiếp, tạo tình huống tự nhiên qua trò chuyện, bài hát, trò chơi, câu lệnh đơn giản, giúp trẻ hứng thú và tự tin.

- **STEM/STEAM:** Lồng ghép (xây dựng dự án) phù hợp độ tuổi trong một số hoạt động, khuyến khích trẻ quan sát, đặt câu hỏi, thử nghiệm, hợp tác, sáng tạo.

- **Tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc:** Lồng ghép trong sinh hoạt hằng ngày; dùng trực quan, hành động với cơ thể, đồ vật, tranh ảnh, kết hợp vẽ tranh và huy động nhiều giác quan để trẻ nghe hiểu, nói rõ, dùng đúng từ và câu.

- **Kỹ năng sống:** Lồng ghép tự nhiên các kỹ năng tự phục vụ, giao tiếp, hợp tác, tự bảo vệ, phòng tránh nguy hiểm phù hợp với lứa tuổi.

III. Yêu cầu về đánh giá sự phát triển của trẻ

- Việc đánh giá sự phát triển của trẻ, gồm đánh giá hằng ngày và đánh giá theo giai đoạn, nhằm theo dõi quá trình phát triển của trẻ, làm căn cứ xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp. Quá trình đánh giá cần phối hợp nhiều

phương pháp và hình thức khác nhau; coi trọng sự tiến bộ của từng trẻ, thực hiện đánh giá thường xuyên thông qua quan sát các hoạt động hằng ngày.

- Riêng đối với hoạt động tăng cường tiếng Việt, cho trẻ làm quen với tiếng Anh, việc đánh giá được thực hiện qua từng tiết học hằng ngày và theo từng giai đoạn, nhằm theo dõi sát sự tiến bộ của mỗi trẻ trong quá trình học tập

IV. Yêu cầu về phương tiện hỗ trợ

- Phối hợp linh hoạt các phương pháp dạy học, trong đó lấy phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm làm nền tảng; riêng với trẻ dân tộc thiểu số, tăng cường phương pháp dùng lời kết hợp trực quan hành động, sử dụng trò chơi và tạo cơ hội tăng cường tiếng Việt cho trẻ ở mọi lúc, mọi nơi.

- Ứng dụng bộ công cụ ELM một cách phù hợp trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Vận dụng một phần phương pháp giáo dục STEAM trong xây dựng môi trường và lồng ghép vào các hoạt động giáo dục trẻ phù hợp với điều kiện thực tế.

- Trang bị và sử dụng thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phù hợp với phương pháp giáo dục theo từng độ tuổi của trẻ.

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổ chức và quản lý

- Nhà trường có sứ mệnh hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ em mầm non; được giao quyền tự chủ theo quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của luật hiện hành có liên quan.

2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Số lượng và cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bảo đảm tối thiểu theo quy định.

- Cán bộ quản lý, giáo viên, có trình độ được đào tạo đạt chuẩn trở lên; giáo viên được xếp loại Đạt trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; cán bộ quản lý được xếp loại Đạt trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ để đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

- Nhân viên có trình độ chuyên môn đảm bảo theo quy định, được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ theo vị trí việc làm trong cơ sở giáo dục mầm non.

3. Cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học

- Cơ sở vật chất đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định có liên quan và đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

- Tích cực huy động các nguồn lực từ cộng đồng, xã hội và đặc biệt là phụ huynh trong việc hỗ trợ một số nguyên vật liệu đơn giản, sẵn có tại địa phương

giúp giáo viên trong việc làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo phục vụ trong giảng dạy nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- *Việc tăng cường tiếng việt cho trẻ phải bảo đảm môi trường tiếng việt gần gũi, có hệ thống đồ chơi, tranh ảnh trực quan phù hợp; trang thiết bị nghe nhìn tối thiểu để hỗ trợ tổ chức các hoạt động giáo dục lồng ghép tăng cường tiếng việt;*

4. Xã hội hóa giáo dục

- Quán triệt quan điểm phát triển giáo dục là sự nghiệp của Đảng, của Nhà nước và của toàn dân, cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non; bảo đảm điều kiện thực hiện chương trình; thực hiện nghiêm túc các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các cá nhân, tổ chức ở địa phương để huy động đa dạng các nguồn lực tham gia hoạt động giáo dục và hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, mang bản sắc văn hóa dân tộc.

- Làm tốt công tác tuyên truyền đến gia đình, cộng đồng có trách nhiệm phối hợp với nhà trường đảm bảo điều kiện thực hiện chế độ sinh hoạt cho trẻ và chế độ làm việc đối với giáo viên, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục nhà trường.

PHẦN HAI

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ

I. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ.

1. Phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhẹ nhàng, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.
- *Thích ứng được với các hoạt động thể chất.*
- *Thực hiện được một số hoạt động tự phục vụ và chăm sóc bản thân.*
- *Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.*
- *Trẻ được chơi các trò chơi vận động phù hợp với trẻ*

2. Phát triển nhận thức

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.
- *Có một số khái niệm sơ đẳng về toán: kích thước, màu sắc, vị trí trong không gian.*
- *Có một số hiểu biết giới tính: bạn trai, bạn gái, sở thích và biết được mọi người đều được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ.*

3. Phát triển ngôn ngữ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.
- *Lật trang sách mà không cần sự trợ giúp.*
- *Bày tỏ được nhu cầu về cảm xúc, hiểu biết bằng lời nói, cử chỉ, điệu bộ*

4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...
- *Thực hiện được các năng lực cảm xúc xã hội trong SEL: 11 năng lực cơ bản.*
- *Biết thực hiện hành vi văn hóa giao tiếp.*
- *Trẻ tạo ra các sản phẩm theo khả năng của trẻ và có ý thức giữ gìn, tôn trọng và bảo vệ sản phẩm*

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Phân phối thời gian

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của cơ sở giáo dục mầm non.

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Và Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 của UBND

tỉnh Điện Biên về Quyết định ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên, áp dụng từ năm học 2026–2027 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Chế độ sinh hoạt

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày ở trường một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ.

Trẻ 18- 24 tháng tuổi:

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- Ngủ: 1 giấc trưa

Trẻ 24 - 36 tháng tuổi:

- Ăn 2 bữa chính và 2 bữa phụ.
- Ngủ: 1 giấc trưa.

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 18-24; 24 - 36 tháng tuổi

Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ (ăn sáng)
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/Trả trẻ

III. NỘI DUNG

1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

1.1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày)
18 – 24 tháng	Cơm nát + Sữa	930 -1000 Kcal	600 – 651 Kcal

	mẹ		
24 - 36 tháng	Cơm thường	930 - 1000 Kcal	600-651 Kcal

- Số bữa ăn tại nhà trường: Hai bữa chính và hai bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn*: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ *Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu*:

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

1.2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

1.3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải.

1.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

2. Giáo dục

2.1. Giáo dục phát triển thể chất

a) Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.

- Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.

- Các cử động bàn tay, ngón tay.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.
- Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.
- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

a) Phát triển vận động

Nội dung	18 – 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	Hô hấp: tập hít thở.	Hô hấp: tập hít vào, thở ra.
	- Tay: giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau.	- Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.
	- Lung, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên.	- Lung, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên.
	- Chân: dang sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên.	- Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân..
2. Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	- Tập bò, trườn: + Bò, trườn tới đích. + Bò chui (dưới dây/gậy kẻ cao).	- Tập bò, trườn: + <i>Bò thẳng hướng theo đường hẹp</i> + <i>Bò thẳng hướng và có vật trên lưng.</i> + Bò chui qua cổng. + Bò, trườn qua vật cản.
	- Tập đi, chạy: + Đi theo hướng thẳng. + Đi trong đường hẹp. + Đi bước qua vật cản.	- Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay. + Chạy theo hướng thẳng. + Đứng co 1 chân.
	- Tập bước lên, xuống bậc thang. - Tập tung, ném: + Ngồi lăn bóng. + Đứng ném, tung bóng.	- Tập nhún bật: + Bật tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ. - Tập tung, ném, bắt: + Tung - bắt bóng cùng cô. + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích.
3. Các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Đóng mở nắp có ren.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ.

mắt	<ul style="list-style-type: none"> - Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Xếp chồng 4 - 5 khối. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6-8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích (theo quy trình EDP).
------------	--	---

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

Nội dung	18 – 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
1. Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau. - Làm quen chế độ ngủ 1 giấc. - Tập một số thói quen vệ sinh tốt: <ul style="list-style-type: none"> + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn. - Tập một số thói quen vệ sinh tốt: <ul style="list-style-type: none"> + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - <i>Tập một số thói quen tiết kiệm nước trong sinh hoạt.</i>
2. Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> - Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập tự phục vụ: <ul style="list-style-type: none"> + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt, <i>đội mũ khi ra nắng</i> + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc

an toàn	vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. - Trẻ biết dùng và sử dụng các đồ dùng phải nhẹ nhàng, cẩn thận.
----------------	---	--

2.2 Giáo dục phát triển nhận thức

a) Luyện tập và phối hợp các giác quan

Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.

b) Nhận biết

- Một số bộ phận cơ thể của con người.
- Một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ.

Một số con vật, hoa, quả quen thuộc với trẻ.

- Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian so với bản thân trẻ.

- Bản thân và những người gần gũi.

- Có sự hiểu biết về giới tính và biết mọi người đều được yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	18 – 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
1. Luyện tập và phối hợp các giác quan: <i>Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác</i>	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.
	- Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh. - Ngửi mùi của một số hoa, quả quen thuộc, gần gũi. - Nếm vị của một số quả, thức ăn	- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua)
2. Nhận biết: - Một số bộ phận của cơ thể con người - Một số đồ dùng, đồ	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân - Tên, đặc điểm nổi bật	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. Có sự hiểu biết về giới tính và

<p>chơi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số phương tiện giao thông quen thuộc - Một số con vật, hoa, quả quen thuộc. - các hoạt động lễ hội trong năm: Ngày tết trung thu, ngày tết nguyên đán, ngày hội 20/11 và ngày Quốc tế phụ nữ 8/3. - Một số hiện tượng tự nhiên 	<p>của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên của phương tiện giao thông gần gũi - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc. 	<p>biết mọi người đều được yêu thương, chăm sóc, giúp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Biết các hoạt động lễ hội trong năm: Ngày tết trung thu, ngày tết nguyên đán, ngày hội 20/11 và ngày hội của các bà các mẹ 8/3. - Tên, đặc điểm nổi bật của một số thiên tai hay xảy ra ở Điện Biên: Lũ lụt, mưa đá, Giông sét...
<ul style="list-style-type: none"> - Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian 	<ul style="list-style-type: none"> - Màu đỏ, xanh. - Kích thước to - nhỏ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Màu đỏ, vàng, xanh. - Kích thước (to - nhỏ). - Hình tròn, hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng (một - nhiều).
<ul style="list-style-type: none"> - Bản thân, người gần gũi 	<ul style="list-style-type: none"> - Tên của bản thân. - Hình ảnh của bản thân trong gương. - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân. - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.

2.3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

- Nghe các giọng nói khác nhau.

- Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.

- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi.

b) Nói

- Phát âm các âm khác nhau.

- Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.

- Thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.

c) Làm quen với sách

- Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	18 – 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
1. Nghe	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	
	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	
	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
	- Nghe các câu hỏi: ở đâu?, con gì?,... thế nào? (gà gáy thế nào?), cái gì? làm gì?	- Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào?
	- Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, chuyện kể đơn giản theo tranh.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - <i>Nghe kể chuyện, bài hát, đọc thơ, xem tranh về Bác Hồ</i>
2. Nói	- Phát âm các âm khác nhau.	
	- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
	- Trả lời và đặt câu hỏi: con gì?, cái gì?, làm gì?	- Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?,... thế nào?, để làm gì?, tại sao?...
	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.
	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.
		- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.
		- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với

		người lớn. - <i>Giao tiếp với những người xung quanh bằng tiếng việt</i>
3. Làm quen với sách	Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.	Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.

4.4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

a) *Phát triển tình cảm*

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.

b) *Phát triển kỹ năng xã hội*

- Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.
- Hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt.

c) *Phát triển cảm xúc thẩm mỹ*

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.
- Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh

- Thực hiện được các năng lực cảm xúc xã hội trong SEL: 11 năng lực cơ bản (Đặt tên cảm xúc, nhìn nhận bản thân tích cực, lòng biết ơn, áp dụng các quy tắc xã hội, đồng cảm với người khác, giải quyết xung đột, tôn trọng sự đa dạng, hòa hợp với thiên nhiên, kiểm soát bản thân, linh hoạt nhận thức, trí nhớ làm việc).

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	18 – 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
1. Phát triển tình cảm <i>Ý thức về bản thân</i>	Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.
- <i>Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc</i>	Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
2. Phát triển kỹ năng xã hội - <i>Mối quan hệ tích cực</i>	- Giao tiếp với cô và bạn.	- Giao tiếp với những người xung quanh. - Chơi thân thiện với bạn:

<i>với con người và sự vật gần gũi.</i>		chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
	<ul style="list-style-type: none"> - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi.
- Hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.
3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ - Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
- Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh	<ul style="list-style-type: none"> - Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh. - Trẻ có kỹ năng làm việc nhóm: hợp tác, chia sẻ và giúp đỡ nhau để cùng thực hiện nhiệm vụ chung. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích (theo quy trình EDP).

IV. KẾT QUẢ MONG ĐỢI

2.1. Giáo dục phát triển thể chất

a) Phát triển vận động

Nội dung	18 – 24 tháng tuổi	24-36 tháng tuổi
1. Thực hiện động tác phát triển các	Bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa	Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít

nhóm cơ và hô hấp	về phía trước - sang ngang.	thở, tay, lưng/bụng và chân.
2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m.	2.1. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay. Các bài tập nhún bật
	2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: biết lăn - bắt bóng với cô.	2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.
	2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong trò chơi vượt chui qua vòng, qua vật cản.	2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.
	2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m.	2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).
3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay	3.1. Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	3.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.
	3.2. Tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ.	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ. - Biết tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích (theo quy trình EDP).

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

1. Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.
	1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.	1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.
	1.3. Biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	1.3. Đi vệ sinh đúng nơi qui định.
2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ	Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi	2.1. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người

gìn sức khỏe	vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).
		2.2. Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	3.1. Biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun..) khi được nhắc nhở.	3.1. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.
	3.2. Biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế..) khi được nhắc nhở.	3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,...) khi được nhắc nhở.
		3.3. <i>Biết sử dụng đồ dùng cẩn thận, nhẹ nhàng, không làm rơi vỡ.</i>

2.2. Giáo dục phát triển nhận thức

1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	Sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi	2.1. Bắt chước hành động đơn giản của những người thân.	2.1. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
	2.2. Chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	2.2. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.
	2.3. Chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	2.3. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.
	2.4. Chỉ/lấy/nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	2.4. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.
	2.5. Chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	2.5. 2.5. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số thiên tai hay xảy ra ở Điện Biên: Lũ lụt, mưa đá, giông sét...

		2.6. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.
		2.7. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.

2.3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

1. Nghe hiểu lời nói	1.1. Thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay...	1.1. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.
	1.2. Hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”; “Không được sờ”,...	1.2. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “...thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”,...)
	1.3. Trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”, “Con gì đây?”, “Cái gì đây?”, ...	1.3. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật <i>bằng tiếng Việt</i> .
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	2.1. Nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi, ...	2.1. Phát âm rõ tiếng.
	2.2. Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.
		2.3. <i>Hiểu nội dung chuyện, đọc thơ, xem tranh về Bác Hồ;</i>
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	3.1. Nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm; ...	3.1. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.
	3.2. Chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...).	3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?...

		3.3. Nói to, đủ nghe, lễ phép.
		3.4. Sử dụng tiếng việt trong giao tiếp hằng ngày

2.4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân	Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	1.1. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi) bằng tiếng việt
		1.2 Thể hiện điều mình thích và không thích.
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.
	2.2. Cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.
	2.3. Thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	2.3. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
		2.4. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.
		2.5 Biểu lộ cảm xúc trước các sự vật, hiện tượng thiên nhiên; biết bảo vệ con vật và cây cối;
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản	3.1. Chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	3.1. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.
	3.2. Bắt chước được một vài hành vi xã hội (bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	3.2. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bé em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).
	3.3. Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	3.3. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.
		3.4. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.

4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh	4.1. Thích nghe hát và vận động theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay...).	4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.
	4.2. Thích vẽ, xem tranh.	4.2. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc) - Biết tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích (theo quy trình EDP). - <i>Có ý thức giữ gìn, tôn trọng và bảo vệ sản phẩm</i>

V. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Các hoạt động giáo dục

1.1. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hân hỷ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

1.2. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

1.3. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

1.4. Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

1.5. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sảng khoái, vui vẻ.

2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

2.1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

2.2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

2.3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

3. Phương pháp giáo dục

3.1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thoải mái nhu cầu giao tiếp, gần bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

3.2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thoải mái nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

3.3. Nhóm phương pháp thực hành

a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b) Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c) Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

3.4. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

3.5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

4. Tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động

4.1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

+ Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

4.2. Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

VI. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình Giáo

dục nhà trường nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

1. Đánh giá trẻ hằng ngày

1.1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, GD trẻ hằng ngày.

1.2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

1.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

2.1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

2.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

2.4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

PHẦN BA:

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO

I. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

Trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh nhằm nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu học tập góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển của địa phương.

Tổ chức giáo dục cảm xúc thông qua trải nghiệm.

Trẻ biết trẻ có quyền được bảo vệ, yêu thương và bày tỏ ý kiến có liên quan đến bản thân trẻ. Trẻ được học tập và vui chơi, được phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần...

Trẻ là người DTTS biết nói Tiếng Việt; Hiểu và sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày. Trẻ tự tin trong giao tiếp và có hứng thú khi học tiếng Việt; Có một số kỹ năng cần thiết cho việc học đọc, học viết.

Mục tiêu theo các lĩnh vực được xác định là:

1. Phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay và vận động
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. *Biết tên gọi một số món ăn đặc trưng của dân tộc, địa phương mình.*
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.
- Trẻ biết và có thể thực hành vệ sinh, dinh dưỡng.
- Trẻ thể hiện trách nhiệm giữ an toàn cho bản thân, người khác.

2. Phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

- Có khả năng nói, hiểu bằng tiếng Anh về: Màu sắc, các bộ phận cơ thể, đồ chơi, thức ăn, hành động, tên gọi của các con vật, hoa, quả, biết đếm từ 1-10...

- *Có hiểu biết về 1 số nghệ thuật truyền thống; lễ hội của dân tộc và 1 số di tích lịch sử ở địa phương nơi trẻ sống.*

- Có tư duy phản biện, bước đầu có kỹ năng giải quyết vấn đề trong hoạt động nhận thức.

3. Phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.

- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

- *Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng việt trong giao tiếp hằng ngày*

- Có khả năng lắng nghe và sử dụng tiếng Anh để nói khi cô giáo yêu cầu và giao tiếp một số từ, câu đơn giản. Nhắc lại được, nói được một số từ thông dụng từ chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động, biểu tượng, kí hiệu rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; Đọc theo được thành tiếng một số từ thông dụng khi xem tranh, minh họa chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động, biểu tượng, kí hiệu rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; Nghe hiểu được nội dung truyện tranh rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.

4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân, biết coi trọng bản thân, đồng cảm với người xung quanh.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực, kiên tốn, giản dị, trung thực.

- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. Trách nhiệm, khoan dung, mục đích.

- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- Có hứng thú với tiếng Anh và tích cực tham gia các hoạt động làm quen với tiếng Anh.

- Thực hiện được các năng lực cảm xúc xã hội trong SEL: 11 năng lực cơ bản (Đặt tên cảm xúc, nhìn nhận bản thân tích cực, lòng biết ơn, áp dụng các quy tắc xã hội, đồng cảm với người khác, giải quyết xung đột, tôn trọng sự đa dạng, hòa hợp với thiên nhiên, kiểm soát bản thân, linh hoạt nhận thức, trí nhớ làm việc).

- Trẻ có thể hiểu, quản lý được cảm xúc bản thân và đáp lại cảm xúc của người khác. Ứng xử phù hợp trong mối quan hệ với người khác và môi trường.

5. Phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

- Có khả năng nhắc lại được, đọc theo được một số bài thơ; bài hát đơn giản. *Thích nghe, hát các bài hát làn điệu dân ca có ở địa phương*; Tô màu được một số biểu tượng, kí hiệu, chữ cái theo hướng dẫn bằng tiếng Anh.

- Trẻ biết giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc qua các tác phẩm nghệ thuật âm nhạc, tạo hình của trẻ.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Phân phối chương trình

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của cơ sở giáo dục mầm non.

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Và Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 của UBND tỉnh Điện Biên về Quyết định ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên, áp dụng từ năm học 2026–2027 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Chế độ sinh hoạt

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày ở trường mầm non một cách hợp lí nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nề nếp, thói quen và những kỹ năng sống tích cực.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng (ăn sáng)

30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 -150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

III. NỘI DUNG

1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

1.1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*
- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và hai bữa phụ.
- + *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.
- + *Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*
- Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần;
- Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần;
- Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần;
- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

1.2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

1.3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải.

1.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

2. Giáo dục

2.1. Giáo dục phát triển thể chất

Nội dung giáo dục phát triển thể chất bao gồm: phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.

a) Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.
- Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.
- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.
- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

a) Phát triển vận động

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	- Hô hấp: Hít vào, thở ra.		
	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.
	- Lung, bụng,	- Lung, bụng,	- Lung, bụng,

	lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải.	lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải.	lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.
	- Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.	- Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	- Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
2. Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động	- Đi và chạy: + Đi kiễng gót. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường	- Đi và chạy: + Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	- Đi và chạy: + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc.

	<p>dịch dắc.</p> <p>+ Đi trong đường hẹp.</p>	<p>+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dịch dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.</p> <p>+ Chạy 15m trong khoảng 10 giây.</p> <p>+ Chạy chậm 60 - 80m.</p>	<p>+ Đi nổi bàn chân tiến, lùi.</p> <p>+ Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dịch dắc theo hiệu lệnh.</p> <p>+ Chạy 18m trong khoảng 10 giây.</p> <p>+ Chạy chậm khoảng 100 - 120m.</p>
	<p>- Bò, trườn, trèo:</p> <p>+ Bò, trườn theo hướng thẳng, dịch dắc.</p> <p>+ Bò chui qua cổng.</p> <p>+ Trườn về phía trước.</p> <p>+ Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm).</p>	<p>- Bò, trườn, trèo:</p> <p>+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m.</p> <p>+ Bò dịch dắc qua 5 điểm.</p> <p>+ Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.</p> <p>+ Trườn theo hướng thẳng.</p> <p>+ Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.</p> <p>+ Trèo lên, xuống 5 giống thang.</p>	<p>- Bò, trườn, trèo:</p> <p>+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m.</p> <p>+ Bò dịch dắc qua 7 điểm.</p> <p>+ Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.</p> <p>+ Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.</p> <p>+ Trèo lên xuống 7 giống thang.</p>
	<p>- Tung, ném, bắt:</p> <p>+ Lăn, đập, tung bắt bóng với cô.</p> <p>+ Ném xa bằng 1 tay.</p> <p>+ Ném trúng đích bằng 1 tay.</p> <p>+ Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.</p>	<p>- Tung, ném, bắt:</p> <p>+ Tung bóng lên cao và bắt.</p> <p>+ Tung bắt bóng với người đối diện.</p> <p>+ Đập và bắt bóng tại chỗ.</p> <p>+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.</p>	<p>- Tung, ném, bắt:</p> <p>+ Tung bóng lên cao và bắt.</p> <p>+ Tung, đập bắt bóng tại chỗ.</p> <p>+ Đi và đập bắt bóng.</p> <p>+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.</p> <p>+ Ném trúng đích</p>

		<ul style="list-style-type: none"> + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân. 	<ul style="list-style-type: none"> bằng 1 tay, 2 tay. + Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.
	<ul style="list-style-type: none"> -BAT - nhảy: +BAT tại chỗ. +BAT về phía trước. +BAT xa 20 - 25 cm. 	<ul style="list-style-type: none"> -BAT - nhảy: +BAT liên tục về phía trước. +BAT xa 35 - 40cm. +BAT - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). +BAT tách chân, khép chân qua 5 ô. +BAT qua vật cản cao 10 - 15cm. +Nhảy lò cò 3m. 	<ul style="list-style-type: none"> -BAT - nhảy: +BAT liên tục vào vòng. +BAT xa 40 - 50cm. +BAT - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). +BAT tách chân, khép chân qua 7 ô. +BAT qua vật cản 15 - 20cm. +Nhảy lò cò 5m.
3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ	<ul style="list-style-type: none"> - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
----------	------------	------------	------------

1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. - <i>Có thói quen tốt trong ăn uống.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - <i>Biết cách ăn uống lành mạnh, các hành vi lịch sự khi ăn uống.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. <i>Biết cách ăn uống lành mạnh, các hành vi lịch sự khi ăn uống.</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). 		
2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - <i>Cách sử dụng đồ dùng trong ăn uống: ca, cốc, bát, thìa...</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - <i>Hướng dẫn cách sử dụng ca, cốc, bát, thìa...</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - <i>Cách sử dụng ca, cốc, bát, thìa...đúng cách.</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. 		
	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. 		

	- Nhận biết trang phục theo thời tiết. - <i>Bước đầu tập mặc quần áo</i>	- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - <i>Bước đầu biết tự mặc quần áo.</i>	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - <i>Biết tự mặc quần áo.</i>
	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.
	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - <i>Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Không đi theo người lạ, không mở cửa cho người lạ vào nhà, không nhận quà bánh từ người lạ...</i> - <i>Không tự uống thuốc khi chưa được phép của người lớn và không được ngậm hột hạt.</i>		

2.2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người.
- Đồ vật.
- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Xếp tương ứng.
- So sánh, sắp xếp theo qui tắc.
- Đo lường.

- Hình dạng.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

c) Khám phá xã hội

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.
- Trường mầm non.
- Một số nghề phổ biến.
- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.
- *Bản thân, giới tính bằng Tiếng Anh*
- Nhận biết và kể tên bằng tiếng Anh: Màu sắc, các bộ phận cơ thể, đồ chơi, thức ăn, hành động, tên gọi của các con vật, hoa, quả, biết đếm từ 1-10 ở các chủ đề.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

a) Khám phá khoa học

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Các bộ phận của cơ thể con người	Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - <i>Giới tính của bản thân và người khác.</i>	Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - <i>Giới tính của bản thân và người khác</i>	
2. Đồ vật: - <i>Đồ dùng, đồ chơi</i>	Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	
		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.

- Phương tiện giao thông	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.
	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số đồ dùng, đồ chơi; của một số phương tiện giao thông (theo quy trình 5E)		
	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.
		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
		- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.
	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	
	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	
4. Một số hiện	- Hiện tượng	- Một số hiện	- Một số hiện

tượng tự nhiên: - Thời tiết, mùa	nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.	tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.
	- Một số thiên tai hay xảy ra ở Điện Biên: Lũ lụt, mưa đá, Giông sét....	- Một số thiên tai thường xảy ra ở Điện Biên. Biến đổi khí hậu: Nắng kéo dài đã đến bệnh dịch, hạn hán, lũ lụt làm ô nhiễm môi trường, trẻ dễ bị đuối nước... - Cách ứng phó và giảm nhẹ hậu quả của lũ lụt, hạn hán...như không chặt phá rừng, trồng thêm cây xanh...	
- Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
- Nước	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.	- Các nguồn nước trong môi trường sống: <i>Các nguồn nước ở địa phương (sông, suối, khe...)</i> - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	
- Không khí, ánh sáng,	- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	
- Đất đá, cát, sỏi	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.		

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
-----------------	-------------------	-------------------	-------------------

1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - 1 và nhiều.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.		
	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.		
		- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..).	
2. Xếp tương ứng	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.		- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
3. So sánh, sắp xếp theo qui tắc	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	
			- Tạo ra qui tắc sắp xếp.
4. Đo lường		- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
		- Đo dung tích bằng một đơn vị đo.	- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.

5. Hình dạng	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
	- Sử dụng các hình hình học để ghép.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	
			- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần.

c) Khám phá xã hội

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Bản thân, gia đình, trường	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc

mầm non, cộng đồng	<p><i>Giới tính bé trai và bé gái, đối xử công bằng...</i></p> <p>- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.</p>	<p>điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.</p> <p>- <i>Giới tính và đặc điểm bên ngoài bạn trai – gái và vai trò giới đi cùng công việc.</i></p> <p>- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.</p>	<p>điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.</p> <p><i>Phòng tránh không cho người lạ sờ vào người nhất là vùng kín của trẻ.</i></p> <p>- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.</p>
	<p>- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo.</p> <p>- Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.</p>	<p>- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.</p> <p>- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.</p>	<p>- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.</p> <p>- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.</p>
2. Một số nghề trong xã hội	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	
3. Danh lam	- Cờ Tổ quốc, tên	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích,	

thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa	của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.	danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. Một số phong tục tập quán của địa phương.	
Làm quen tiếng anh	- Đếm từ 1-3 ở các chủ đề, Nhắc lại, gọi được tên một số đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi, màu sắc bằng tiếng anh.	- Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh; Thích tìm hiểu, khám phá các nền văn hóa khác; Nhận diện, nhận biết được được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi, biết đếm, chỉ số từ 1 đến 5 ở các chủ đề; Thích tìm hiểu, khám phá các nền văn hóa khác.	- Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh; Thích tìm hiểu, khám phá các nền văn hóa khác; nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi; Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 10, một số từ, cụm từ chỉ sự vật, hiện tượng, hành động quen thuộc với lứa tuổi.

2.3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.

- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

Nghe bằng tiếng Anh và làm theo một số yêu cầu rất đơn giản, đơn giản, quen thuộc

Nghe và phản hồi phi ngôn ngữ hoặc lời trong các tình huống giao tiếp bằng tiếng Anh rất đơn giản, đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi

Nghe và phản hồi phi ngôn ngữ hoặc lời nói (từ 1 đến 3 từ) bằng tiếng Anh khi tham gia các trò chơi phù hợp với lứa tuổi

b) Nói

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.
- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.
- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.
- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.
- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động rất đơn giản, đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi.

Phát âm tương đối rõ ràng các từ, cụm từ và mẫu câu trong phạm vi từ vựng được làm quen.

Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời bằng 1-3 từ, cụm từ, mẫu câu đơn giản trong các tình huống giao tiếp rất đơn giản, đơn giản, quen thuộc.

Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc lời nói khi tham gia các trò chơi phù hợp với lứa tuổi.

Bày tỏ nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, điệu bộ.

c) Làm quen với việc đọc, viết

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.
- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống.
- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.
- Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, gọi tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen; Làm quen với một số biểu tượng, kí hiệu (có thể kèm theo một số chữ cái, từ) rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi; Xem tranh, truyện tranh, đọc theo tranh. Tô màu được ký hiệu, chữ cái tiếng Anh.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nghe	- Hiểu các từ chỉ	- Hiểu các từ chỉ	- Hiểu các từ khái

	người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	quát, từ trái nghĩa.
	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.
	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	
	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.		
	<p>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi của trẻ</p> <p>- <i>Nghe hiểu các từ chỉ tên người, đồ vật, sự vật, hành động, sự vật hiện tượng gần gũi quen thuộc bằng Tiếng Việt phù hợp với độ tuổi</i></p>		
	- Nghe và làm theo yêu cầu đơn lẻ rất đơn giản, quen thuộc	- Nghe và làm theo 2 yêu cầu đơn giản, quen thuộc	- Nghe và làm theo 2 đến 3 yêu cầu liên tiếp đơn giản, quen thuộc
	- Nghe và trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-2 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi chào hỏi, tạm biệt và được hỏi tên bằng tiếng Anh	- Nghe và trả lời bằng cử chỉ, hành động hoặc 1-3 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về bản thân và gia đình bằng tiếng Anh	Nghe và trả lời bằng 1 -3 từ hoặc một số mẫu câu đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về khả năng và sở thích bằng tiếng Anh
	- Nghe và phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc	- Nghe và trả lời bằng cử chỉ hoặc 1 -3 từ tiếng Anh	Nghe và phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời

	<i>trả lời bằng 1-2 từ tiếng Anh trong một số tình huống giao tiếp rất đơn giản, quen thuộc khác</i>	<i>trong một số tình huống giao tiếp rất đơn giản, quen thuộc khác</i>	<i>ngắn bằng tiếng Anh trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc khác</i>
2. Nói	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?. - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?.
	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - <i>Sử dụng tiếng việt trong giao tiếp hằng ngày</i>		

	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		
	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	- Kể lại truyện đã được nghe.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.
	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.
	- Kể lại sự việc.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	- Kể lại sự việc theo trình tự.
	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	- Đóng kịch.	
	<i>-Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc lời nói (1-2 từ) khi tham gia các trò chơi rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi;</i>	<i>-Thể hiện một số cử chỉ, điệu bộ, nét mặt đơn giản, phù hợp với tình huống giao tiếp;</i>	<i>-Thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt đơn giản, phù hợp với tình huống giao tiếp;</i>
3. Làm quen với đọc, viết	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)		
	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện.	- Nhận dạng một số chữ cái.	- Nhận dạng các chữ cái (Theo quy trình 5E).
		- Tập tô, tập đồ các nét chữ.	
			- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình (Theo quy trình 5E).
	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. <i>- Xem và đọc các loại sách khác nhau như: sách dạy trẻ sử</i>		

	<p><i>lý các tình huống khi hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, khi có người lạ sờ vào vùng kín</i></p> <p>- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:</p> <p>+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.</p> <p>+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.</p>		
	<p>- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.</p> <p>- Giữ gìn sách.</p>	<p>- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.</p> <p>- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.</p> <p>- Giữ gìn, bảo vệ sách.</p>	
Làm quen tiếng anh	-Làm quen với tranh ảnh, minh họa chỉ người, đồ vật, sự vật, và hành động rất đơn giản và quen thuộc về tiếng Anh.	- Làm quen với 1-3 ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường	-Làm quen với 1-5 ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường;
		-Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong phạm vi từ vựng tiếng Anh được làm quen	-Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong phạm vi từ vựng tiếng Anh được làm quen;
			-Tập tô màu một số nét, chữ cái, từ tiếng Anh quen thuộc.

2.4. Giáo dục phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội

a) Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân, biết coi trọng bản thân.
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng XQ, đồng cảm với mọi người xung quanh.
- *Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực, khiêm tốn, giản dị, trung thực*
- *Hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh.*

b) Phát triển kĩ năng xã hội

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi, khiêm tốn, giản dị, trung thực, trách nhiệm khoan dung, đoàn kết.
- Quan tâm bảo vệ môi trường.
- Thực hiện được các năng lực cảm xúc xã hội trong SEL: 11 năng lực cơ bản (Đặt tên cảm xúc, nhìn nhận bản thân tích cực, lòng biết ơn, áp dụng các quy tắc xã hội, đồng cảm với người khác, giải quyết xung đột, tôn trọng sự đa dạng, hòa hợp với thiên nhiên, kiểm soát bản thân, linh hoạt nhận thức, trí nhớ làm việc).

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Phát triển tình cảm - Ý thức về bản thân, coi trọng bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi, giới tính. <i>sự khác biệt giới của bản thân và người khác</i> - Những điều bé thích, không thích. - Giữ gìn cơ thể. - <i>Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến của bản thân, yêu thương bản thân.</i> <i>Tự hào, yêu</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi, giới tính. <i>sự khác biệt giới của bản thân và người khác</i> - Sở thích, khả năng của bản thân. - Giữ gìn cơ thể. - <i>Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến của bản thân, yêu thương bản thân.</i> <i>Tự hào, yêu thương, trân</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở thích, khả năng của bản thân. - <i>Điểm giống và khác nhau về giới của mình với người khác, tôn trọng sự khác biệt đó.</i> - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Giữ gìn cơ thể. - Vị trí và trách

	<i>thương, trân trọng cơ thể của mình và của người khác</i>	<i>trọng cơ thể của mình và của người khác</i>	nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.
			<i>- Biết được và phòng tránh không cho người lạ sờ vào người nhất là vùng kín của trẻ</i>
		- Hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh.	
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh. Đồng cảm với mọi người xung quanh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. Đồng cảm với mọi người xung quanh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. Đồng cảm với mọi người xung quanh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. Đồng cảm với mọi người xung quanh.
		- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Mỗi quan hệ giữa

			hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
	<ul style="list-style-type: none"> - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. 	
2. Phát triển kỹ năng xã hội - Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội. Khiêm tốn, giản dị, trung thực, trách nhiệm, khoan dung, đoàn kết.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Chờ đến lượt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Chờ đến lượt, hợp tác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.
	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. 	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Chơi hòa thuận với bạn. <i>thừa nhận và tôn trọng sự khác biệt giới</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm, giúp đỡ bạn. <i>thừa nhận và tôn trọng sự khác biệt giới.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. <i>thừa nhận và tôn trọng sự khác biệt giới.</i>
- Quan tâm đến môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm điện, nước. 		

	<p>- Giữ gìn vệ sinh môi trường. <i>Nhận biết, thái độ và hành vi bảo vệ môi trường xung quanh. Có kĩ năng ứng phó phù hợp khi có thiên tai: mưa bão ở trong nhà, làm theo lời người lớn,...</i></p> <p>- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.</p>
--	---

2.5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

a) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

b) Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).

c) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

d) Nghe bài hát bằng tiếng Anh rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi

e) Tạo ra các sản phẩm tạo hình từ các nguyên vật liệu khác nhau

g) Thể hiện sáng tạo các sản phẩm tạo hình, âm nhạc theo khả năng

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển).

			- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.
- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.		
- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.	
- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	
- Nghe, hát theo một số bài hát tiếng Anh rất đơn giản, quen thuộc		- Nghe, hát theo một số bài hát tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi	
- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.	
Sử dụng các nguyên vật liệu của địa phương như: Rơm rạ, lá cây , sỏi đá Để tạo ra các sản phẩm sáng tạo mà trẻ thích			
- Sử dụng một số kĩ năng vẽ, nặn,	- Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt,	- Phối hợp các kĩ năng vẽ, nặn, cắt,	

	cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích (theo quy trình EDP).	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích (theo quy trình EDP).	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích (theo quy trình EDP).
		- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. (theo quy trình EDP).	
	- Đặt tên cho sản phẩm của mình (theo quy trình EDP).		

IV. KẾT QUẢ MONG ĐỢI

1. Giáo dục phát triển thể chất

a) Phát triển vận động

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động	<p>2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m. 	<p>2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. 	<p>2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây.
	<p>2.2. Kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục 	<p>2.2. Kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật 	<p>2.2. Kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít

	trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	chuẩn đặt đích dắc).	nhất 3 lần).
	<p>2.3 Phối hợp tay-mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm). 	<p>2.3 Phối hợp tay-mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp. 	<p>2.3 Phối hợp tay-mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng này 4 - 5 lần liên tiếp.
	<p>2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài. 	<p>2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) 	<p>2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.

		không chệch ra ngoài.	
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt	3.1. Thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.	3.1. Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.	3.1. Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.
	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ. - Tự cài, cởi cúc.	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa

			(phéc mơ tuya).
--	--	--	-----------------

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	1. 1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá,...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	1.1. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...
	1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	
	1.3. Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	1.3. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	1.3. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:	2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau

	<ul style="list-style-type: none"> - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo..... 	xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. <ul style="list-style-type: none"> - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. 	mặt, đánh răng. <ul style="list-style-type: none"> - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.
	2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	2.2. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống: <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã. 	3.1. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: <ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, 	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng, dội mũi khi 	3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi

	<p>đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</p> <p>- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.</p>	<p>ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giày khi đi học.</p> <p>- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....</p> <p>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>- Bỏ rác đúng nơi qui định.</p>	<p>ngủ, sáng ngủ dậy.</p> <p>- Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.</p> <p>- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....</p> <p>- Che miệng khi ho, hắt hơi.</p> <p>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>- Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.</p>
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	<p>4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.</p>	<p>4.1. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.</p>	<p>4.1. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.</p>
	<p>4.2. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.</p>	<p>4.2. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.</p>	<p>4.2. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.</p>
	<p>4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi</p>	<p>4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng</p>	<p>4.3. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi</p>

	<p>được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. 	<p>tránh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. <p>4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số 	<p>ăn uống và phòng tránh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt để bị hóc sặc,... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ để bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. <p>4.4. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: <p>+ Khi người lạ bế</p>
--	---	--	--

		<p>điện thoại người thân khi cần thiết.</p> <p>- <i>Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Không đi theo người lạ, không mở cửa cho người lạ vào nhà, không nhận quà bánh từ người lạ...</i></p>	<p>ấm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.</p> <p>+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.</p> <p>- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.</p> <p>- <i>Nhớ và biết gọi các số điện thoại khẩn cấp: 113, 114, 115</i></p> <p>- <i>Biết tránh một số trường hợp không an toàn:</i></p> <p>- <i>Không đi theo người lạ, không mở cửa cho người lạ vào nhà, không nhận quà bánh từ người lạ...</i></p> <p>4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p> <p>- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.</p>
--	--	---	--

			- Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
--	--	--	--

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	1.1. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	1.1. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướm?...	1.1. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...
	1.2. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, sờ,...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	1.2. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc

			điểm của đối tượng.
	1.3. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi (theo quy trình 5E).	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh (theo quy trình 5E).	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển (theo quy trình 5E).
	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng (theo quy trình 5E).	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện (theo quy trình 5E).	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận (theo quy trình 5E).
	1.5. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	1.5. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	1.5. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng	- Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen	2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần	2.1. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ:

và giải quyết vấn đề đơn giản	<p>thuộc khi được hỏi.</p> <p><i>-Nhận ra một số thiên tai hay xảy ra ở Điện Biên: Lũ lụt, mưa đá, Giông sét...</i></p>	<p>gửi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”</p> <p><i>- Nhận biết 1 số thiên tai thường xảy ra ở Điện Biên. Biến đổi khí hậu: Nắng kéo dài, bệnh dịch, hạn hán, lũ lụt làm ô nhiễm môi trường, trẻ dễ bị đuối nước...</i></p> <p><i>-Cách ứng phó và giảm nhẹ hậu quả của lũ lụt, hạn hán...như không chặt phá rừng, trồng thêm cây xanh...</i></p>	<p>“Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.</p> <p><i>- Nhận biết 1 số thiên tai thường xảy ra ở Điện Biên. Biến đổi khí hậu: Nắng kéo dài, bệnh dịch, hạn hán, lũ lụt làm ô nhiễm môi trường, trẻ dễ bị đuối nước...</i></p> <p><i>- Cách ứng phó và giảm nhẹ hậu quả của lũ lụt, hạn hán...như không chặt phá rừng, trồng thêm cây xanh...</i></p> <p><i>- Biết cách phòng tránh và giảm nhẹ hậu quả thiên tai</i></p>
		<p>2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.</p>	<p>2.2. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.</p>
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	<p>3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô</p>	<p>3.1. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng</p>	<p>3.1. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được</p>

	giáo.	được quan sát.	quan sát.
	3.2. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	3.2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nhận biết số đếm, số lượng	1.1. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	1.1. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...
	1.2. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
	1.3 Đếm từ 1 – 5 bằng Tiếng Anh (cùng với sự trợ giúp)	1.3 Đếm được từ 1 – 10 bằng Tiếng Anh	1.3 Đếm từ 1 – 5 bằng Tiếng Anh (cùng với sự trợ giúp)
	1.4. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	1.4. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn,	1.4. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn,

		ít hơn.	ít nhất.
	1.5. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	1.5. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	1.5. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.
	1.6. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	1.6. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	1.6. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.
		1.7. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	1.7. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.
		1.8. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	1.8. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
2. Sắp xếp theo qui tắc	- Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	2.1. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.
			2.2. Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.
			2.3. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
3. So sánh hai đối tượng	- So sánh hai đối tượng về kích	- Sử dụng được dụng cụ để đo độ	- Sử dụng được một số dụng cụ để

	thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	đo, đong và so sánh, nói kết quả.
4. Nhận biết hình dạng	- Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...). 4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.
		5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	5.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.

c) **Khám phá xã hội**

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	1.1. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	1.1. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.

1.2. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	1.2. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	1.2. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.
1.3. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	1.3. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.
1.4. Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	1.4. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.
	1.5. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	1.5. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.
	1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	1.6. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
Biết được các quyền, nghĩa vụ bốn phận của bản thân và		

	người khác.		
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	Tên gọi, công việc của một số nghề (theo quy trình 5E)		
	Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... nghề phổ biến tại địa phương khi được hỏi, xem tranh.	Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề truyền thống tại địa phương khi được hỏi, trò chuyện.	Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề truyền thống tại địa phương. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...”.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh	3.1. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.	3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	3.1. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”.
	3.2. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	3.2. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.
Trẻ biết tiếng anh	- Trẻ biết đếm từ 1-3 ở các chủ đề, Nhắc lại, gọi được tên một số đồ vật,	- Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh;	- Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh; Thích

	sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi, màu sắc bằng tiếng anh.	Trẻ thích tìm hiểu, khám phá các nền văn hóa khác; Nhận diện, nhận biết được được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi, biết đếm, chỉ số từ 1 đến 5 ở các chủ đề; Thích tìm hiểu, khám phá các nền văn hóa khác.	tìm hiểu, khám phá các nền văn hóa khác; nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi; Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 10, một số từ, cụm từ chỉ sự vật, hiện tượng, hành động quen thuộc với lứa tuổi.
--	--	--	--

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nghe hiểu lời nói	1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	1.1. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.
	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi,	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông,

	hoa, quả...		động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).
	1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	1.3. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.
	1.4. Nghe, hiểu một số từ tiếng Anh về: chào, hỏi, tạm biệt, hành động, màu sắc, đồ vật, đồ chơi, hoa quả.	1.4. Nghe, hiểu một số từ tiếng Anh: chào, hỏi, tạm biệt, hành động, cơ thể, đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật, thức ăn	1.4. Nghe, hiểu một số từ tiếng Anh: chào, hỏi, tạm biệt, hành động, màu sắc, cơ thể, đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật, thức ăn, địa danh, gia đình ...
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	2.1. Nói rõ các tiếng cơ bản trong Tiếng Việt <i>Bày tỏ nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, điệu bộ...</i>	2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được. <i>Bày tỏ nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, điệu bộ...</i>	2.1. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. <i>Bày tỏ nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, điệu bộ...</i>
	2.2. Sử dụng được các từ tiếng Việt (và một vài từ tiếng Anh thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	2.2. Sử dụng được các từ tiếng Việt (và một số từ tiếng Anh) chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	2.2. Sử dụng các từ tiếng Việt (và các từ tiếng Anh) chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.

2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	2.3. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,...
2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,...	2.4. Kể lại sự việc theo trình tự.	2.4. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,... của nhân vật.
2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...
2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	2.6. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	2.6. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.
2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.
2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	2.8. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	2.8. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.
2.9. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.

		được nhắc nhở.	
	1.10. Nhắc lại được, gọi được tên một số đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng Anh	2.10. Nhắc lại được, gọi tên được đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng Anh	2.10. Nhắc lại được, nói được từ chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động trong phạm vi từ vựng tiếng Anh được làm quen
3. Làm quen với việc đọc - viết	3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	3.1. Chọn sách để xem. <i>Xem các loại sách khác nhau như sách dạy trẻ xử lý các tình huống khi hỏa hoạn, lũ lụt, động đất....</i>	3.1. Chọn sách để “đọc” và xem. <i>- Xem và hiểu các loại sách khác nhau như sách dạy trẻ xử lý các tình huống khi hỏa hoạn, lũ lụt, động đất....</i>
	3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	3.2. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.
		3.3. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	3.3. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.
		3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy	3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển

		hiếm,...	báo giao thông...
			3.5. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt (theo quy trình 5E).
	3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	3.5. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,...	3.6. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình (theo quy trình 5E).
Nghe, hiểu lời nói, sử dụng ngôn ngữ bằng tiếng anh	- Biết lắng nghe và sử dụng tiếng Anh để nói khi cô giáo yêu cầu.	- Biết lắng nghe và sử dụng tiếng Anh để nói khi cô giáo yêu cầu.	- Biết lắng nghe và sử dụng tiếng Anh để nói khi cô giáo yêu cầu và giao tiếp một số từ, câu đơn giản.

4. Giáo dục phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Thể hiện ý thức về bản thân	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	1.1. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.
	1.2. Nói được điều bé thích, không thích.	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. - <i>Biết được và phòng tránh không cho người</i>	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. - <i>Biết và phòng tránh không cho người lạ sờ vào người nhất là vùng</i>

		<i>lạ sờ vào người nhất là vùng kín của trẻ.</i>	<i>kín của trẻ.</i>
			<p>1.3. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).</p> <p>1.4. Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.</p> <p>1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.</p> <p>1.6 <i>Nhận thức và thể hiện thái độ đối với bản thân</i></p>
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực	<p>2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.</p> <p><i>Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến của bản thân</i></p>	<p>2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.</p> <p><i>Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến của bản thân, tự hào, yêu thương, trân trọng cơ thể của mình và của người khác</i></p>	<p>2.1. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).</p> <p><i>Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến của bản thân, tự hào, yêu thương, trân trọng cơ thể của</i></p>

			<i>mình và của người khác. Tôn trọng sự khác biệt giữa mình với người khác</i>
	2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	2.2. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	2.2. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.
	2.3. Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh		
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	3.1. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.
	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.
			3.3. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.
	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ.	3.4. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)

	3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	3.5. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
		3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	3.6. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.
		3.6. Thích tìm hiểu, khám phá các nền văn hóa khác.	3.7. Thích tìm hiểu, khám phá các nền văn hóa khác.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.
	4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.

	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.
		4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	4.4. Biết chờ đến lượt.
	4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	4.5. Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	4.5. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. - <i>Biết tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ</i>
			<i>chấp nhận chính kiến của người khác, yêu thương, trách nhiệm, khoan dung, đoàn kết; kỹ năng kiểm soát cảm xúc bản thân.</i>
5. Quan tâm đến môi trường	5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	
	5.2. Bỏ rác đúng	5.2. Bỏ rác đúng	5.2. Bỏ rác đúng

	nơi quy định.	nơi quy định.	nơi quy định.
	5.3. <i>Biết ứng phó phù hợp khi có thiên tai: mưa bão ở trong nhà, làm theo lời người lớn,...</i>	5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.	5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).
		5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. - <i>Biết ứng phó phù hợp khi có thiên tai: mưa bão ở trong nhà, làm theo lời người lớn,...</i>	5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn. - <i>Biết ứng phó phù hợp khi có thiên tai: mưa bão ở trong nhà, làm theo lời người lớn,...</i>

5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	1.1. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	1.1. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện

			tượng.
	1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	1.2. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.
	1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	1.3. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. <i>Hát và vận động sáng tạo theo khả năng của trẻ.</i>	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ... <i>Hát và vận động sáng tạo theo khả năng của trẻ</i>	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... <i>Hát và vận động sáng tạo theo khả năng của trẻ, sử dụng các</i>

			<i>phương tiện nghệ thuật dụng cụ âm nhạc để thể hiện ý tưởng của trẻ.</i>
	2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	2.2. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).
	2.3. Hát theo được một số bài hát tiếng Anh rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi	2.3. Hát theo, hát được một số bài hát tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi	2.3. Hát theo, hát được một số bài hát tiếng Anh quen thuộc với lứa tuổi
	2.4. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	2.4. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	2.4. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.
	2.5. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. <i>Tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý tưởng của trẻ</i>	2.5. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. <i>Tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý tưởng của trẻ, ý thức giữ gìn, bảo vệ và tôn trọng sản phẩm</i>	2.5. Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. <i>Tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý tưởng của trẻ, ý thức giữ gìn, bảo vệ và tôn trọng sản phẩm nghệ thuật.</i>

		<i>nghệ thuật.</i>	
	2.6. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	2.6. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	2.6. Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.
	2.7. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	2.7. Làm lồm, đổ bột, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	2.7. Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.
	2.8. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản (theo quy trình EDP).	2.8. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau (theo quy trình EDP).	2.8. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối (theo quy trình EDP).
	2.9. Nhận xét các sản phẩm tạo hình (theo quy trình EDP).	2.9. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng (theo quy trình EDP).	2.9. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục (theo quy trình EDP).
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	3.1. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.
		3.2. Lựa chọn	3.2. Gõ đệm bằng

		dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.
	3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích (theo quy trình EDP).	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích (theo quy trình EDP).	
	3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình (theo quy trình EDP).	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình (theo quy trình EDP).	
Thể hiện một số bài hát tiếng anh	- Trẻ biết hát một số bài hát đơn giản bằng tiếng anh.	- Trẻ biết hát một số bài hát đơn giản bằng tiếng anh.	- Trẻ biết hát một số bài hát bằng tiếng anh phù hợp với lứa tuổi

V. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Các hoạt động giáo dục

1.1. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

1.2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

1.3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

1.4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

2.1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức sau:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Ngày hội đến trường; Tết trung thu; Tết cổ truyền; Sinh nhật của bé; Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8/3); Tết thiếu nhi (ngày 1/6); Ngày ra trường...).

2.2. Theo vị trí không gian, có các hình thức

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời

2.3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

3. Phương pháp giáo dục

3.1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

3.2. Nhóm phương pháp trực quan, minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện

thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

3.3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

3.4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

3.5. Nhóm phương pháp nêu gương-đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

4. Tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động

4.1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.
- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

4.2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.
- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.
- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

VI. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục nhà trường, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

1. Đánh giá trẻ hằng ngày

1.1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

1.2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

1.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

2.1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

2.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất căn cứ sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

PHẦN BỐN

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Căn cứ Chương trình Giáo dục Chương trình giáo dục của nhà trường, giáo viên các lớp xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ (năm học, tháng/chủ đề, tuần, ngày) phù hợp với tình hình của nhóm/lớp, khả năng của cá nhân trẻ và điều kiện thực tế.

Nội dung của các lĩnh vực giáo dục chủ yếu được tổ chức thực hiện theo hướng tích hợp và tích hợp theo các chủ đề gần gũi thông qua các hoạt động đa dạng, thích hợp với trẻ và điều kiện thực tế của nhóm/lớp, trường, địa phương.

Theo dõi, đánh giá thường xuyên sự phát triển của trẻ, các mục tiêu của chương trình, kết quả mong đợi để có kế hoạch tổ chức hoạt động phù hợp với sự phát triển của cá nhân trẻ và của nhóm/lớp.

Phát hiện và tạo điều kiện để trẻ phát triển năng khiếu của trẻ; phát hiện sớm trẻ có khó khăn trong phát triển, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập.

Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng để chăm sóc giáo dục trẻ tốt nhất
